**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Quý IV.2020**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ **giảm** **35.4** (%) so với kỳ báo cáo (31/12/2019); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **+25.23 (%).**

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn, ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong một số trường hợp, khi điều kiện vĩ mô và tình hình thị trường thay đổi, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% giá trị tài sản ròng so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 537,324,983,242 Đồng Việt Nam, tương ứng với 10,529,255.21 Chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | 31/12/2020 | 31/12/2019 | 31/12/2018 |
| Danh mục chứng khoán | 82.71% | 85.61% | 80.52% |
| Tài sản khác | 17.29% | 14.39% | 19.48% |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | 31/12/2020 | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 537,324,983,242 | 832,283,820,546 | | 1,089,016,862,195 | |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 10,529,255.21 | 20,424,072.24 | | 29,558,475.53 | |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 51,031.62 | 40,750.14 | | 36,842.79 | |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 51,031.62 | 42,537.26 | | 41,758.80 | |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 41,019.09 | 39,660.26 | | 36,197.06 | |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | | N/A | |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | | N/A | |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | | N/A | |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 24.77% | | -1.68% | | -11.35% | |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0.00% | | 0.00% | | 0.00% | |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 3.18% | | 0.57% | | -0.06% | |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | | Không có | | Không có | |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | | Không có | | Không có | |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | | Không có | | Không có | |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.51% | | 2.29% | | 2.17% | |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 62.11% | | 47.33% | | 128.15% | |

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 25.23 | 25.23 |
| 3 năm | 25.17 | 7.77 |
| Từ khi thành lập | 592.97 | 12.36 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **12/31/2020** | **12/31/2019** | **12/31/2018** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ | 25.23% | 10.61% | -9.63% |

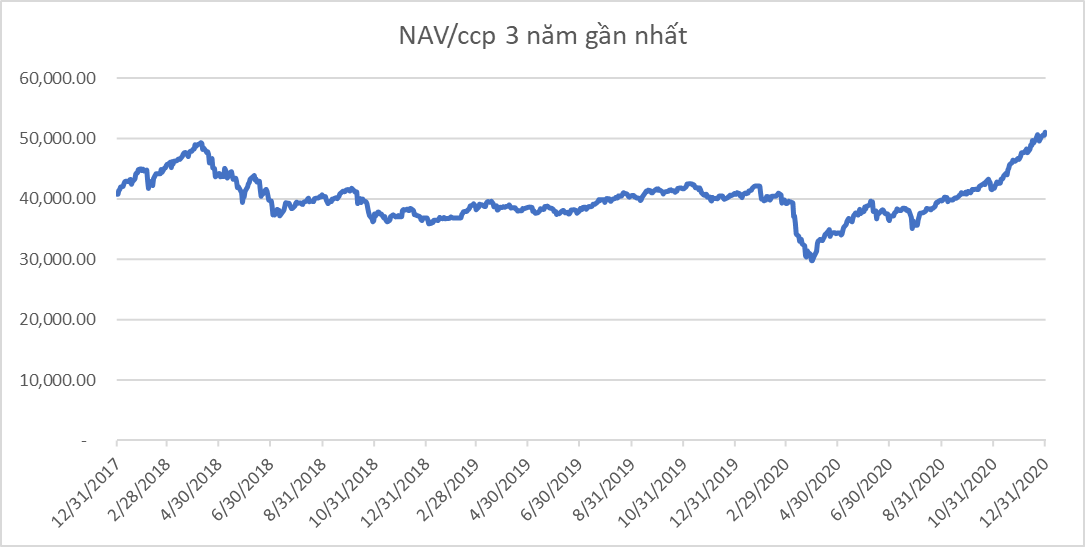
1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Thị trường duy trì xu hướng tích cực khi chỉ số VN-Index tăng trưởng 10,6% trong tháng 12. Kết thúc năm 2020, VN-Index đóng cửa tại 1.104 điểm, là mức cao nhất kể từ tháng 04/2018 và tăng trưởng 14,9% trong năm 2020. Những điểm chính của thị trường trong tháng vừa qua: i) Thanh khoản thị trường trong tháng 12 đạt hơn 15.000 tỷ/phiên, tăng 50% so với tháng 11; ii) Số lượng tài khoản mở mới trong tháng đạt mức kỷ lục 63.021 tài khoản, tăng 54% so với tháng trước; iii) Nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại bán ròng trong tháng 12; iv) Thị trường tăng trưởng bền vững nhờ dòng tiền của nhà đầu tư trong nước; v) Việt Nam tiếp tục là thị trường có mức định giá thấp hơn so với các nước trong khu vực, với hệ số so sánh thấp hơn và tăng trưởng lợi nhuận vượt trội hơn; vi) Mức tăng trưởng lợi nhuận quý 4 mạnh mẽ, dẫn dắt bởi nhóm ngân hàng thương mại cổ phần với tăng trưởng lợi nhuận lên đến 50% so với cùng kỳ năm ngoái.

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 23.12% | 49.14% | 410.32% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 3.33% | 30.51% | 495.77% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 19.79% | 18.63% | -85.45% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 25.23% | 7.77% | 12.36% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | 10,281.48 | 10,261.44 | 43,667.46 |
|  |  |  |  |



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 31/12/2020 | 31/12/2019 | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 537,324,983,242 | 832,283,820,546 | -35.44% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 51,031.62 | 40,750.14 | 25.23% |
|  |  |  |  |

Trong giai đoạn 31/12/2019 – 31/12/2020, quỹ VFMVF1 có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng 25.23%. Tổng giá trị tài sản ròng giảm 35.4% trong cùng giai đoạn do có sự rút vốn từ phía nhà đầu tư.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ**  **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 2,853 | 2,050,907 | 19.48% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 91 | 589,956.89 | 5.60% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 77 | 1,440,761.74 | 13.68% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 19 | 2,643,027.23 | 25.10% |
| Trên 500.000 | 2 | 3,804,602.65 | 36.13% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 3,042 | 10,529,255.21 | 100.00% |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ VF1, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ VF1 với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Trong năm 2020, Việt Nam đã vượt qua đại dịch Covid-19 và ghi nhận mức tăng trưởng GDP cao nhất thế giới (+2.9%). Hoạt động xuất nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế trong năm 2020. Làn sóng chuyển dịch chuỗi cung ứng tiếp tục diễn ra và nguồn vốn FDI duy trì ổn định khi chỉ giảm 2% trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm. Xuất khẩu tăng trưởng 6.5%, đạt 281 tỷ USD năm 2020, đây là mức tăng trưởng thấp so với năm trước tuy nhiên trong bối cảnh khó khăn của năm 2020, không tăng trưởng âm đã là điều tích cực. Trong khi đó, nhập khẩu sụt giảm 3.7%, đạt 262 tỷ USD. Nhờ đó, thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục 19.1 tỷ USD, tương đương 5.6% GDP. Việt Nam đã rất thành công trong hoạt động xuất khẩu khi thặng dư thương mại với Mỹ đạt 63 tỷ USD, tăng 7.7%. Ngoài ra, vắc-xin Covid-19 sắp được triển khai trong thời gian tới (Việt Nam đã đặt mua 30 triệu liều từ AZ) và Chính phủ đã lên kế hoạch mở lại các đường bay thương mại quốc tế trong quý 2/2021 giúp nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ hơn. Chúng tôi dự báo, tăng trưởng GDP năm 2021 sẽ đạt 7%.

In 2020 Vietnam overcame the pandemic and may have posted the highest GDP rate in the world at +2.9%. Trade was the star of Vietnam’s show in 2020. Supply-chain shifts continued and FDI kept rolling in – a 2% decline was, under the circumstances, stellar. Exports rose +6.5% to $281bn in 2020. This was certainly a come-down from previous years but the wonder was that the number didn’t go negative. Meanwhile imports slumped even more, at +3.7% to $262bn The result was a $19.1bn trade surplus equal to 5.6% of GDP. Indeed, Vietnam may have been a bit too successful on the trade front, since the surplus with the US ran up 7.7% to $63bn in 2020. Meanwhile, Covid-19 vaccines are coming (Vietnam has secured 30m AZ doses) and the Government has plans to resume commercial flights in 2H21. We project GDP at +7% in 2021.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ 2011 đến nay.

**Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Ông Lưu Đức Khánh, Chủ tịch, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HDBank từ năm 2009 đến nay đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần hàng không Vietjet từ năm 2011 đến nay.
* Ông Đặng Thái Nguyên, Thành viên, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông từng là Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa từ năm 2003 đến năm 2006 và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt từ năm 2006 đến nay.
* Bà Lê Thị Thu Hương, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS từ năm 2011 đến năm 2012 và hiện là Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín từ năm 2012 đến nay.
* Bà Phạm Thị Thanh Thúy, Thành viên, Luật sư. Bà hiện là Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Trần Thanh Tân, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông hiện là Tổng giám đốc từ năm 2003 đến ngày 29/12/2020.
* Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế. Ông hiện là Tổng giám đốc từ ngày 30/12/2020 đến nay
* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu , Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2010 đến nay.
* Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính, Thạc sỹ Tài chính – kinh tế. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| Tp.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2021  **Phó Tổng Giám đốc**  **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH** |  |